



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thủy điện Gia Lai

Ngày 31/12/2025	29,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.3%	0.5%	2.5%

DT thuần Q4/25
98.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.50 7.1%
YoY: ▲ 5.30 5.7%

LN thuần Q4/25
53.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.00 17.5%
YoY: ▼23.6 -30.5%

LN sau thuế Q4/25
45.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.40 13.6%
YoY: ▼23.6 -34.4%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
64.8%
YoY: +/- ▼ 9.9%

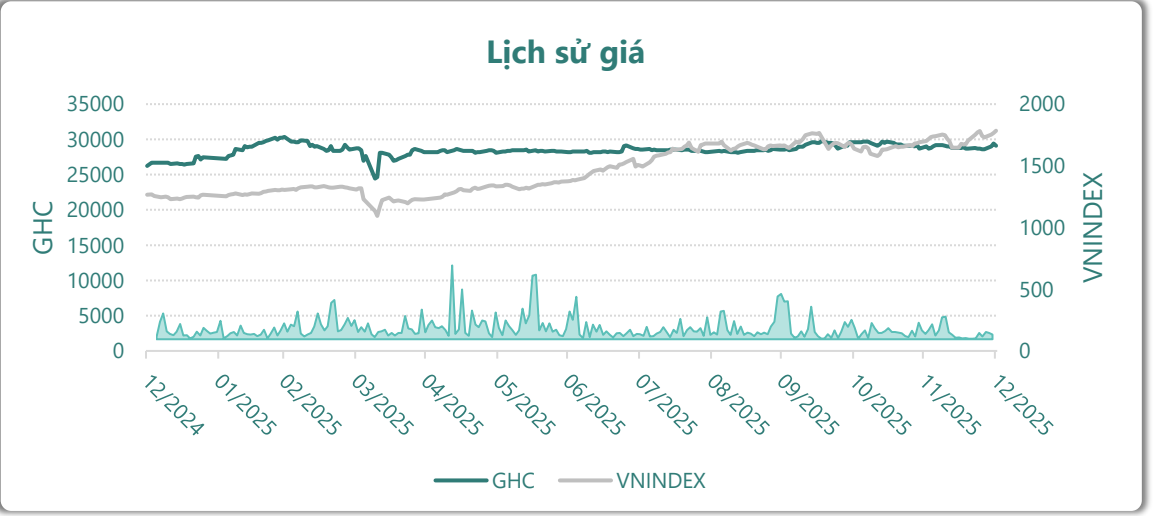
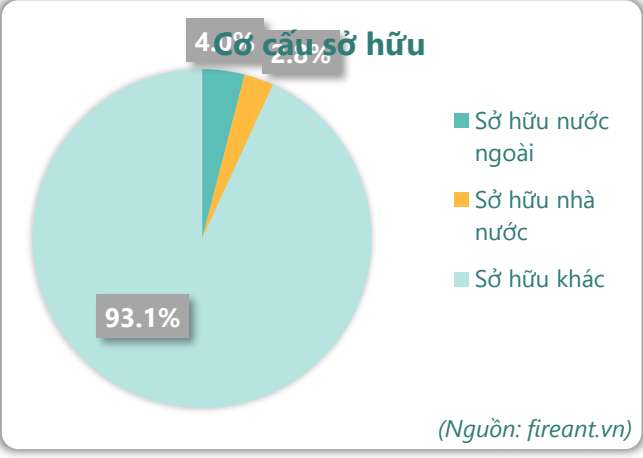
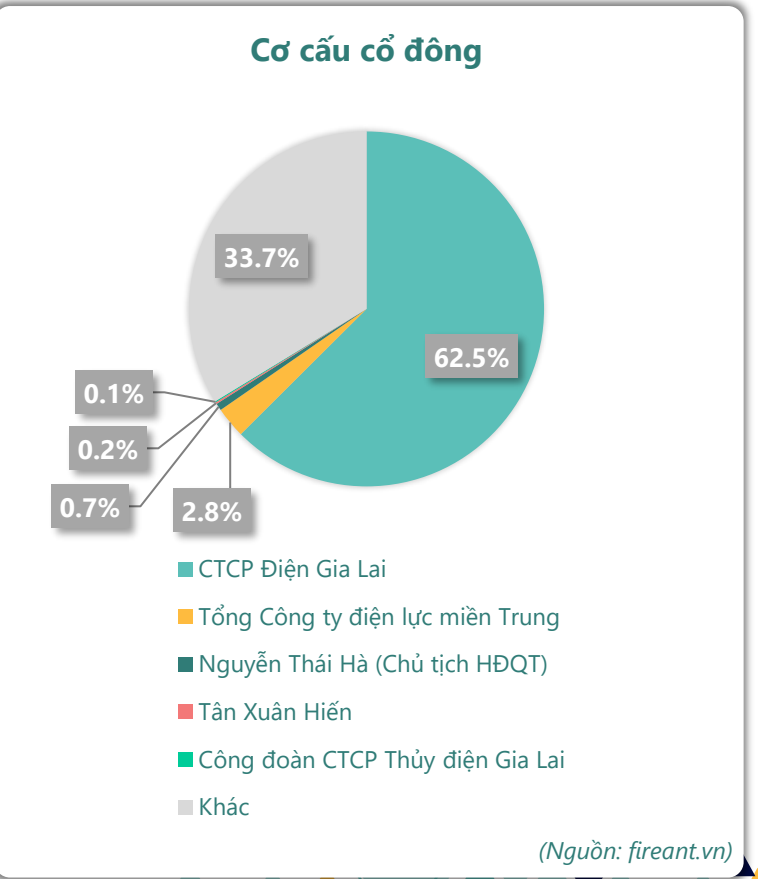
ROE 2025
15.9%
YoY: +/- ▼ 2.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	24,448 - 30,349
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,387
Số lượng CPLH (CP)	47,662,500
KLGD BQ 20 phiên (CP)	14,065
Sở hữu nước ngoài	4.0%
Beta	0.20
EPS	3,544
P/E	8.2

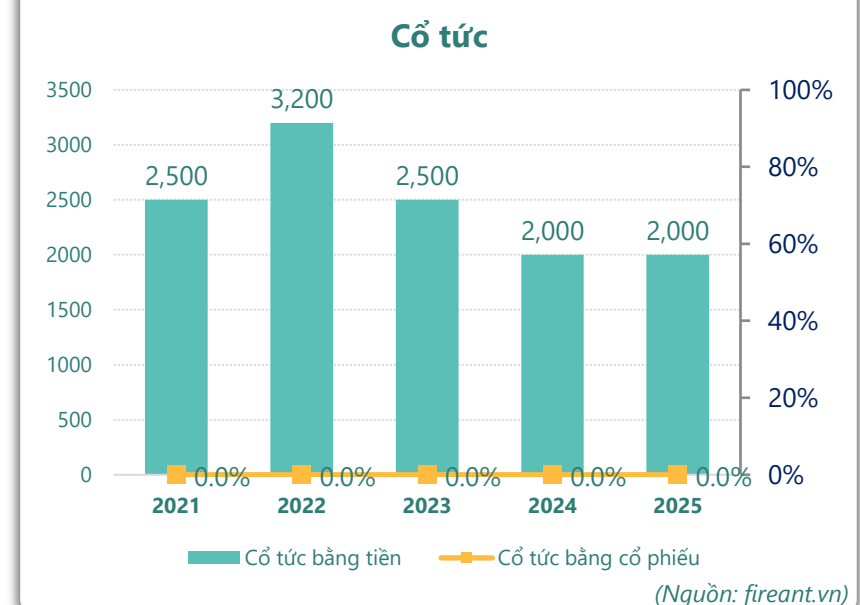
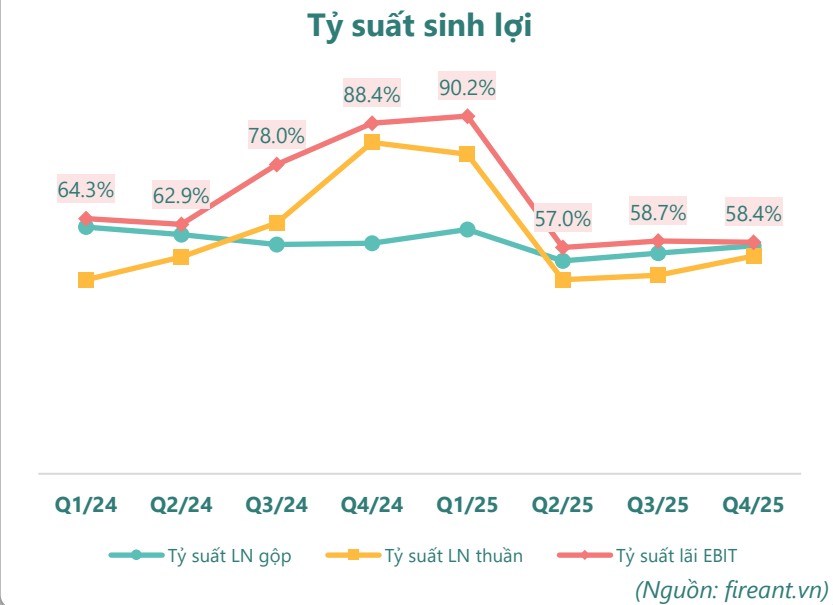
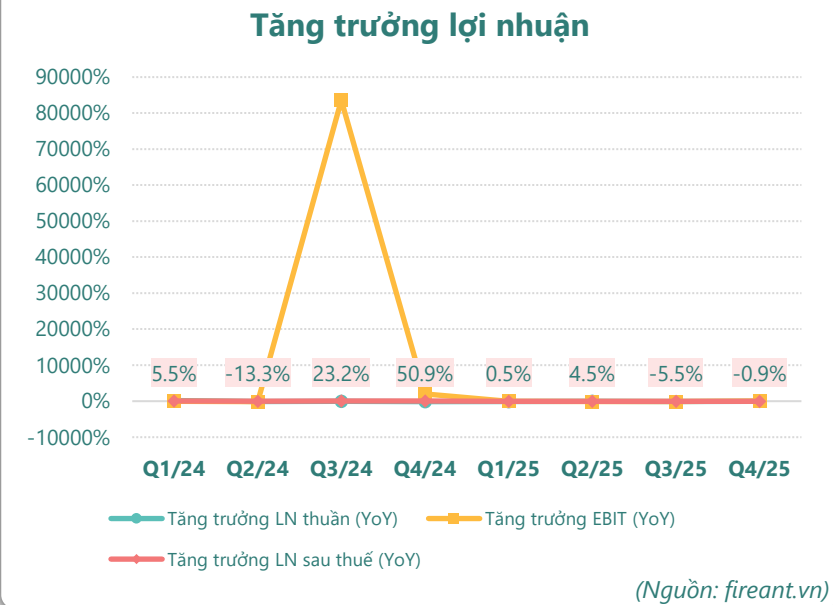
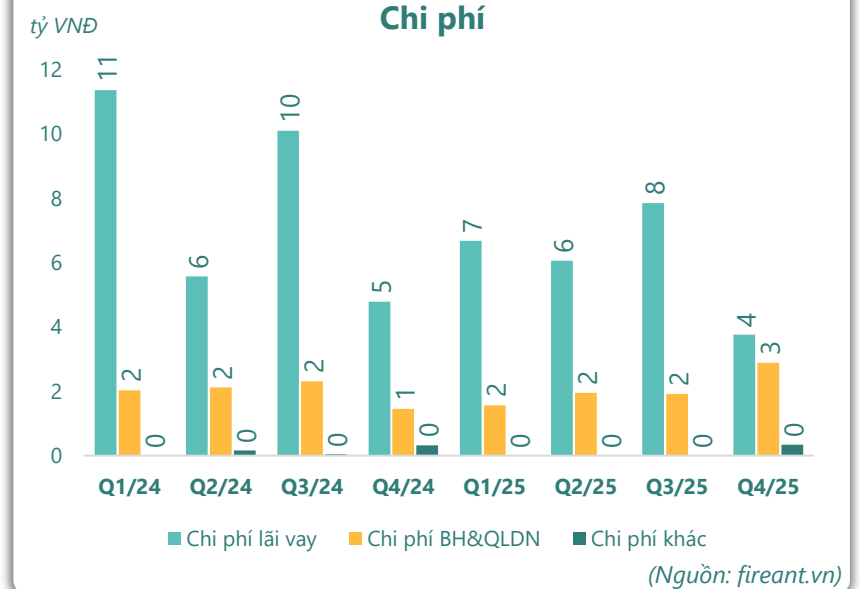
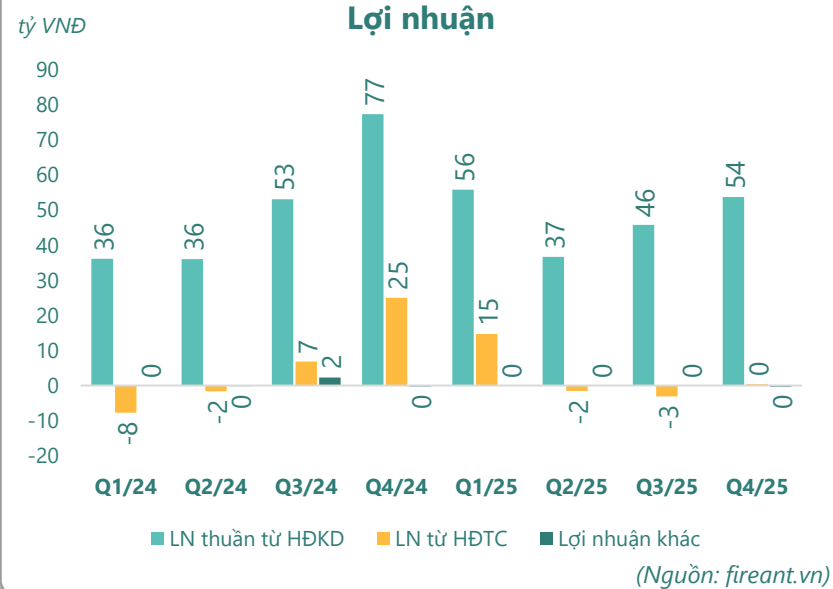
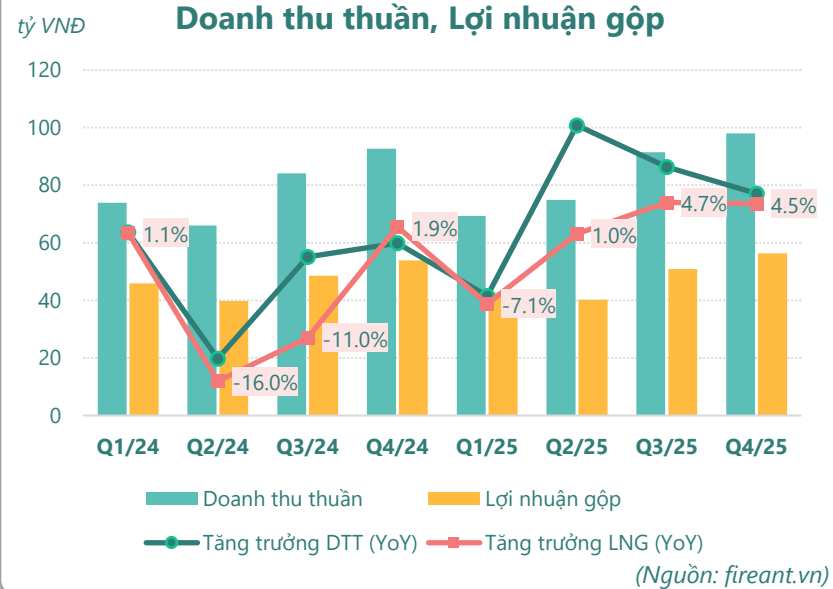
DT thuần 2025
334
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0 5.4%

LN thuần 2025
192
tỷ VNĐ
YoY: ▼11.0 -5.2%

LN sau thuế 2025
169
tỷ VNĐ
YoY: ▼12.0 -6.9%



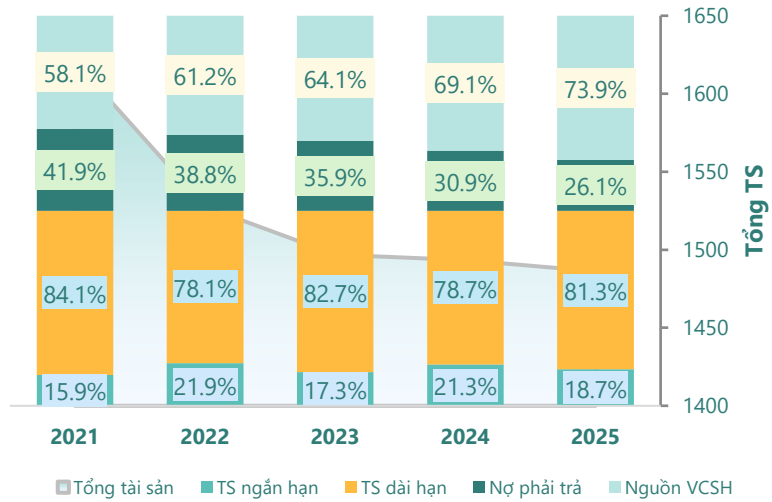
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

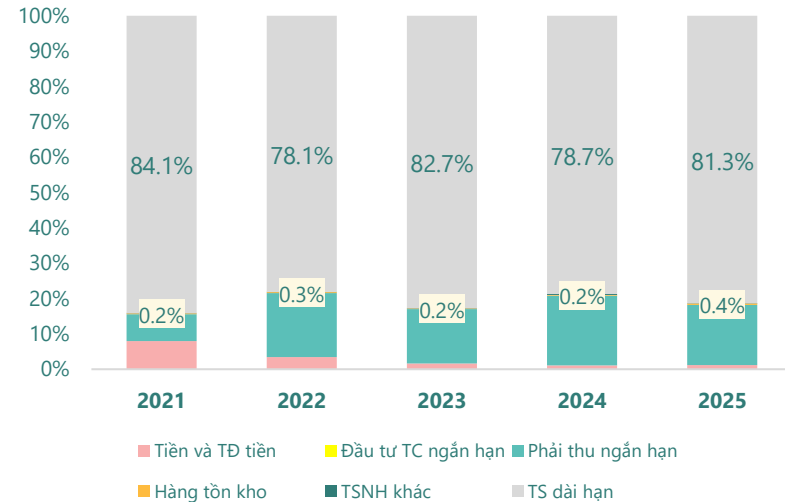
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

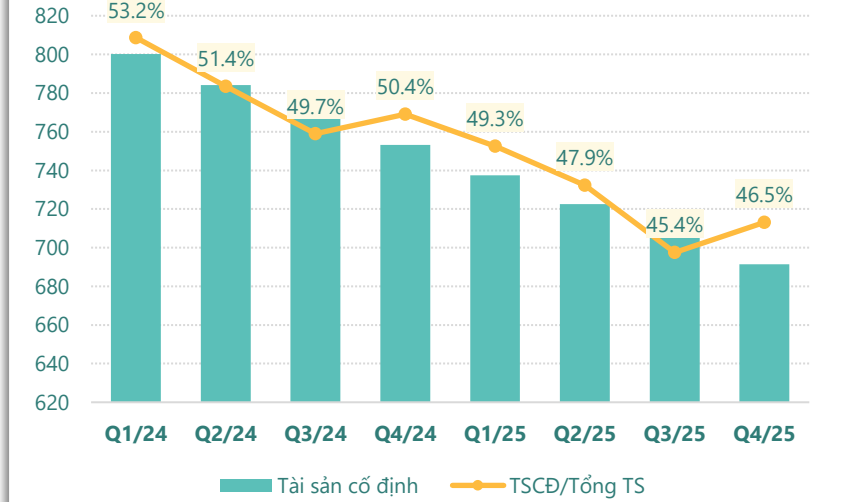
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

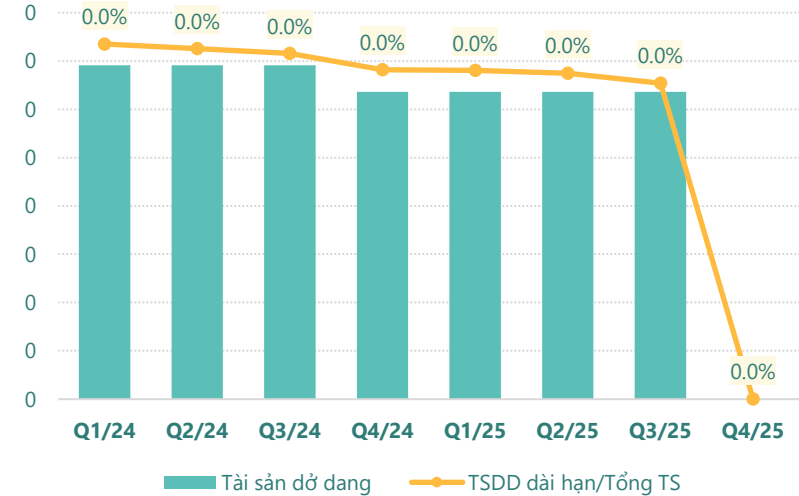
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

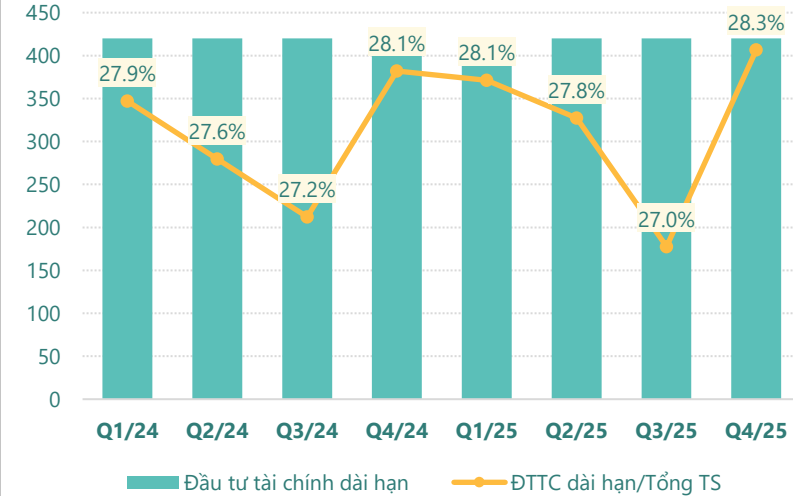
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

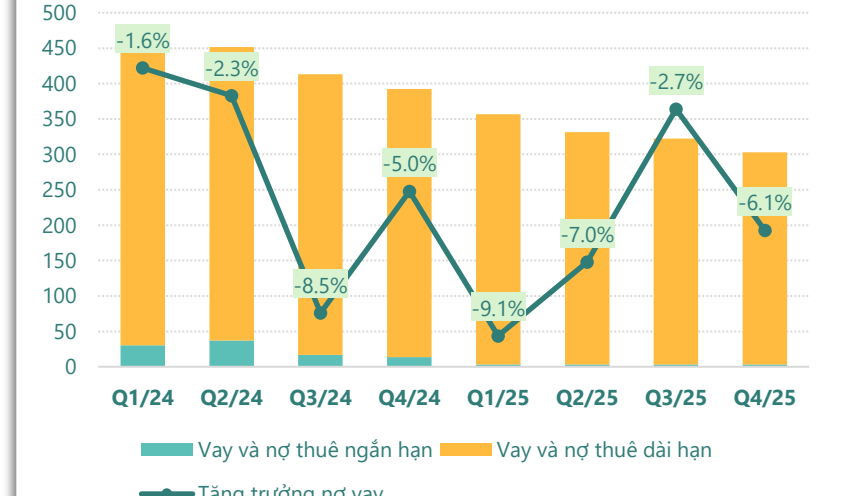
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

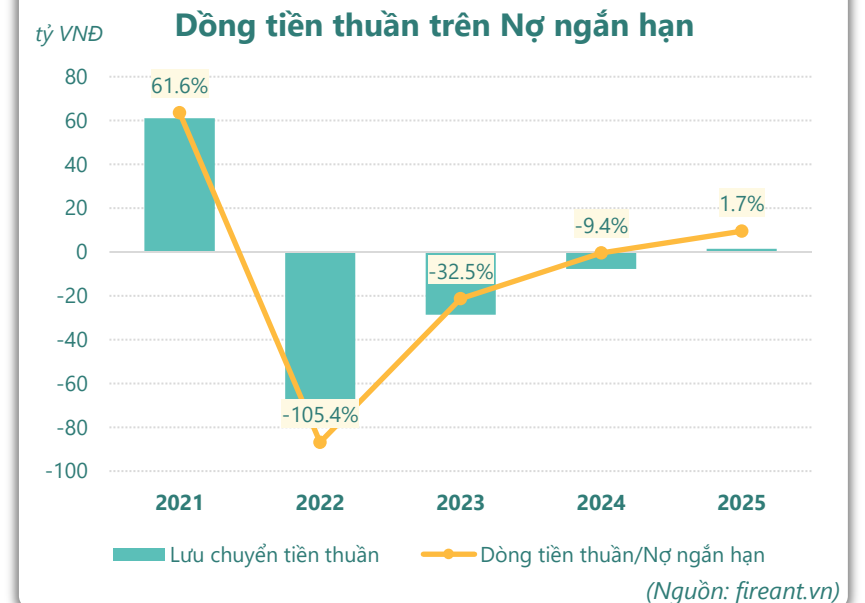
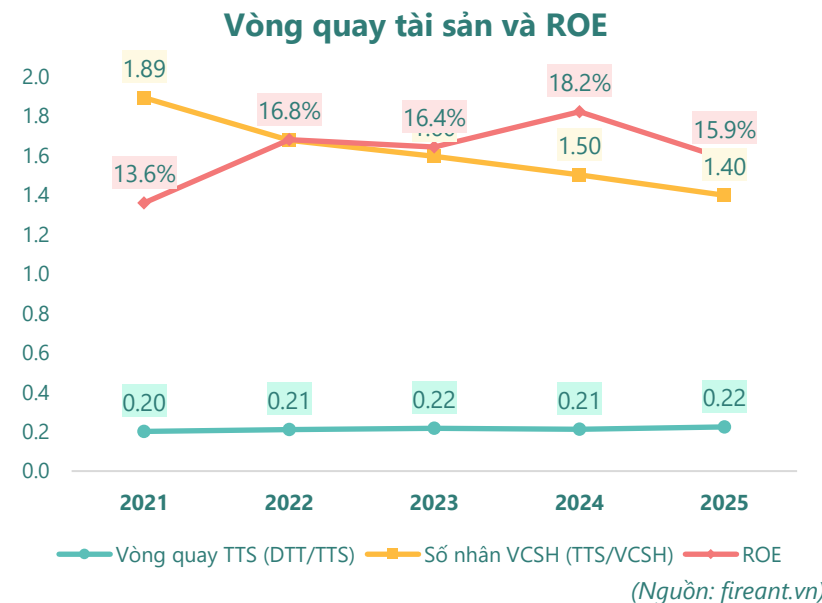
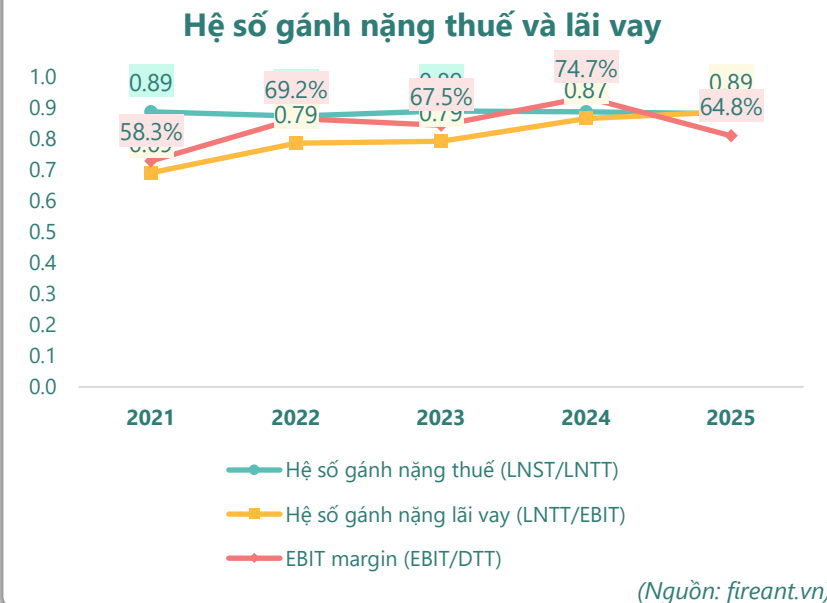
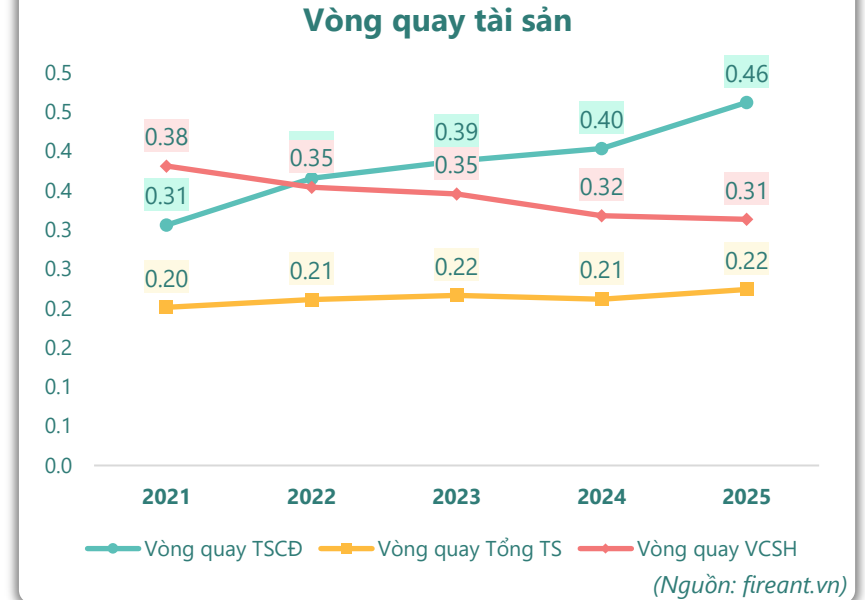
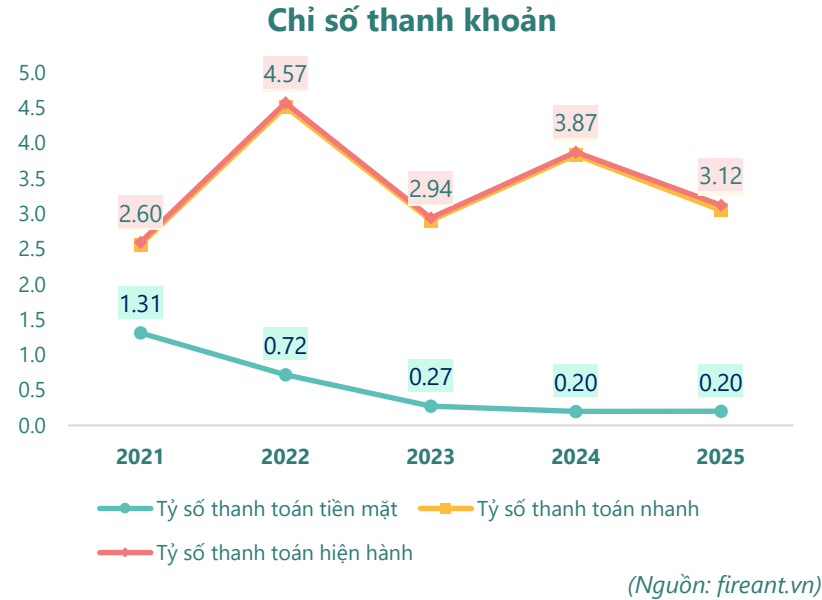
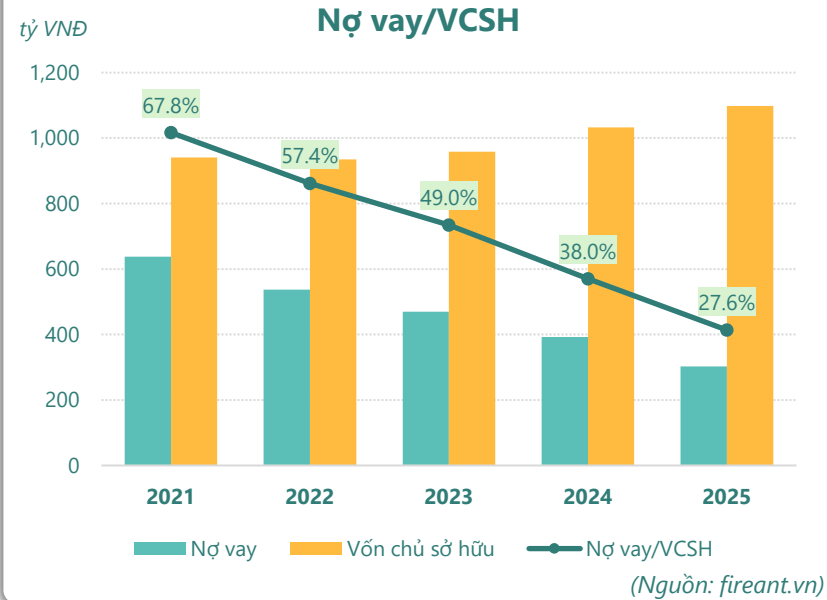
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	98.0	92.7	5.7%	334	317	5.4%
Giá vốn hàng bán	41.7	38.9	7.3%	144	128	11.9%
Lợi nhuận gộp	56.3	53.9	4.4%	190	188	1.0%
Doanh thu HĐTC	4.15	29.8	-86.1%	34.8	54.3	-36.0%
Chi phí TC	3.77	4.79	-21.3%	24.4	31.9	-23.5%
Chi phí lãi vay	3.77	4.79	-21.3%	24.4	31.9	-23.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	2.89	1.46	97.8%	8.34	7.92	5.3%
LN thuần từ HĐKD	53.8	77.4	-30.5%	192	203	-5.2%
Lợi nhuận khác	-0.33	-0.30	-11.2%	-0.33	1.87	-118%
LN trước thuế	53.5	77.1	-30.7%	192	205	-6.3%
Lợi nhuận sau thuế	45.0	68.6	-34.4%	169	181	-6.9%
LNST của CĐ cty mẹ	45.0	68.6	-34.4%	169	181	-6.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	57.4	46.5	45.2	48.9	66.2	24.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-29.6	80.7	-1.29	94.2	-73.7	-17.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.3	-115	-35.8	-25.2	-7.40	-117
Tiền đầu kỳ	14.3	3.74	16.2	24.3	142	127
Lưu chuyển tiền thuần	-10.5	12.5	8.08	118	-14.9	-110
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3.74	16.2	24.3	142	127	17.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,486	1,493	-0.5%
Tài sản ngắn hạn	278	318	-12.6%
Tiền và tương đương tiền	17.7	16.2	9.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	253	295	-14.1%
Hàng tồn kho	6.29	3.17	98.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.46	3.48	-86.8%
Tài sản dài hạn	1,209	1,176	2.8%
Phải thu dài hạn	95.0	0	
Tài sản cố định	691	753	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.32	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	420	420	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.18	2.34	-6.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	388	461	-15.7%
Nợ ngắn hạn	89.0	82.0	8.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	3.30	13.8	-76.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.67	0.66	2.5%
Nợ dài hạn	299	379	-20.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	299	379	-20.9%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,098	1,033	6.3%
Vốn chủ sở hữu	1,098	1,033	6.3%
Vốn điều lệ	477	477	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

